

Bản án số: 190/2023/HS-ST  
Ngày 13-9-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hạ  
Ông Phạm Mạnh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Trần Trọng An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 182/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 303/TB-TA ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Đỗ Văn L, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1977 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ C, Khu C L, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thế T và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Vũ Thị Huyền N (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/3/2023 đến ngày 17/3/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

**- Bị hại:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A B, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Công ty CP T5; trụ sở: Số B, đường T, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Mai H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số F P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần T5 (viết tắt là Công ty T5) trụ sở tại số B, đường T, phường Q, quận K, Hải Phòng, Giám đốc là Vũ Mai H, có hoạt động cho thuê xe tự lái. Việc điều hành hoạt động của Công ty T5 do Vũ Quang T2 và Vũ Thành C1 (là em trai chị H) thực hiện.

Khoảng tháng 5/2009, Vũ Quang T2 cần tiền sử dụng cá nhân nhưng không muốn chị H (là Giám đốc Công ty và là chị gái của T2) biết việc T2 lấy xe của Công ty đem đi thế chấp để vay tiền nên T2 đã nhờ Đỗ Văn L, sinh năm 1977, trú tại: Tổ C, Khu C, phường L, quận K, Hải Phòng, đến Công ty T6 xe ô tô bằng hình thức hợp đồng thuê xe, L đồng ý. Ngày 30/5/2009, Đỗ Văn L đến Công ty T6 xe ô tô INOVA, BKS:16M-5384 (khi nhận xe, L có ký vào Hợp đồng thuê xe, ghi “*anh T2 bảo lãnh*”, không đặt cọc, không ghi ngày trả, không ghi giá tiền thuê xe). Sau đó L mang xe ô tô BKS: 16M-5384 đặt làm tin để vay của anh Vũ Văn C2, sinh năm 1976, trú tại xã C, huyện K, Hải Dương 160.000.000 đồng, C2 đưa cho L 160 triệu đồng, L đem về đưa cho T2. Khoảng đầu tháng 7/2009, T2 cần tiền nên bảo L gặp anh C2 nhận lại xe, mang thế chấp chỗ khác, anh C2 đồng ý đưa lại xe cho L. L mang thế chấp cho Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982, trú tại: Số A B, Đ, H, Hải Phòng. Ngày 02/7/2009, khi mang xe cầm cố cho T1, T2 đưa cho L một giấy ủy quyền, anh T2 ký thay mặt Công ty T5 nên T1 không đồng ý, yêu cầu phải Giám đốc Công ty T5 ký ủy quyền. Đến ngày 03/7/2009, T2 đưa lục Giấy ủy quyền ghi Công ty T5 ủy quyền cho Đỗ Văn L mang xe ô tô BKS: 15A-5384 thế chấp (khi T2 đưa giấy ủy quyền, L thấy T2 ký vào vị trí Vũ Mai H – Giám đốc Công ty), anh T1 tin là thật nên đã nhận xe và đưa cho L 150.000.000 đồng, L nhận tiền mang đưa cho T2. Ngày 04/7/2009, anh C2 đòi tiền nên L đã viết giấy vay nợ, nội dung L vay C2 160.000.000 đồng.

Do không thấy L mang xe về trả nên Công ty T5 xác định vị trí của xe và nhờ Cơ quan Công an thu giữ xe, trả lại Công ty T5. Anh T1 liên lạc với L không được nên đã làm đơn tố giác Đỗ Văn L gửi Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký, con dấu, định giá tài sản, kết quả:

Tại bản kết luận giám định số 61 ngày 07/10/2011 của Phòng K Công an thành phố H kết luận:

- Hình dấu tròn “Công ty CP T5 trên Giấy ủy quyền với hình dấu tròn có cùng nội dung kèm theo biên bản lấy mẫu dấu là do cùng một dấu đóng ra.

- Dấu chức danh: Giám đốc - Vũ Mai H trên Giấy ủy quyền với dấu chức danh - Giám đốc Vũ Mai H trên mẫu thu là do cùng một dấu đóng ra.

- Chữ ký Giám đốc đứng tên Vũ Mai H trên Giấy ủy quyền so với chữ ký trên các Hợp đồng thu giữ (mẫu) là hai kiểu chữ ký hoàn toàn khác nhau.

Tại bản kết luận giám định số 99 ngày 22/5/2012 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: Chữ ký người được ủy quyền Đỗ Văn L trên Giấy ủy quyền so với chữ ký mẫu so sánh của Đỗ Văn L là của cùng một người.

Tại kết luận giám định số 885 ngày 16/9/2009 của Phòng K, kết luận số khung, số máy của xe ô tô BKS 16M-5384 không bị tẩy xóa.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 52 ngày 15/9/2009, Hội đồng định giá tài sản quận K kết luận xe ô tô BKS: 16M-5384 trị giá 566.423.000 đồng.

Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Đỗ Văn L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999, do Đỗ Văn L bỏ trốn nên ra Lệnh truy nã. Ngày 07/3/2023, Đỗ Văn L đến Cơ quan Công an đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn L khai nhận nội dung vụ án như nêu trên và khai: do chơi thân với Vũ Quang T2, biết gia đình T2 có Công ty T5, chị H là chị gái T2 làm Giám đốc, T2 có cổ phần và điều hành hoạt động của Công ty T5 nên khi T2 nhờ L đến Công ty T5 lấy xe mang đi vay hộ tiền thì L đồng ý, sau khi vay được tiền, L đưa hết cho T2. Khi T2 đưa cho L Giấy ủy quyền, thấy T2 ký dưới chữ Giám đốc thì L biết là giấy ủy quyền giả nhưng do nể T2 nên L vẫn dùng Giấy ủy quyền để thế chấp lấy tiền cho T2.

Ngoài ra khoảng tháng 4/2009, L có vay của Nguyễn Văn C 30.000.000 đồng để lại xe máy của L cho C; khoảng tháng 6/2009, T2 cũng nhờ L nhận 01 xe ô tô INOVA BKS: 16M-5374 của Công ty T5 mang để làm tin vay của Nguyễn Văn C 150.000.000 đồng. Tháng 7/2009, L đã trả cho C 30.000.000 đồng. Năm 2012, khi biết anh Vũ Quang T2 chết, L đã liên lạc với anh Nguyễn Văn C cam kết có trách nhiệm đối với khoản vay anh C và đã nhờ người nhà trả thêm được 30.000.000 đồng cho anh C (BL: 87-102).

Anh Nguyễn Văn T1 khai: Thông qua người quen là Nguyễn Mạnh H1 và Đặng Văn D giới thiệu, T2 và L đến vay tiền của anh T1. Khi vay tiền, L đã sử dụng giấy ủy quyền giả của Công ty T5 đưa cho anh T1 cùng xe ô tô làm tin, giấy ghi 200 triệu đồng nhưng thực tế mới đưa 150.000.000 đồng. Do chiếc xe ô tô đã được Công ty T5 thu hồi, không liên lạc được với L để yêu cầu trả tiền nên anh T1 đã có đơn tố cáo Đỗ Văn L gửi Cơ quan Công an. Đến nay, gia đình L đã thanh toán hết số tiền 150.000.000 đồng cho anh T1 (BL: 103-108; 227-240).

Anh Nguyễn Văn C khai: Do là chỗ quen biết nên khi được anh L hỏi vay tiền, anh C đã đồng ý đi vay tiền cho anh L (trong đó anh L vay sử dụng cá nhân 01 lần với số tiền 30 triệu đồng, L vay hộ anh T2 02 lần với tổng số tiền là 310 triệu đồng). L có để lại 02 xe ô tô đăng ký mang tên Công ty T5 để làm tin. Anh C chỉ giúp đỡ, vay hộ tiền, không phải là người cho vay, cầm đồ. Năm 2009, L đã thanh toán cho anh C số tiền vay cá nhân là 30.000.000 đồng. Năm 2012, thông qua gia đình, L thanh toán thêm số tiền 30.000.000 đồng. Sau này, trong thời gian đi làm ăn xa, L có liên lạc với anh C và cam kết, chịu trách nhiệm về số tiền đã vay hộ anh T2. Đến ngày 03/6/2023, gia đình L thanh toán thêm cho anh C 50.000.000 đồng và cam kết chịu trách nhiệm sẽ thanh toán hết số tiền còn lại. Anh C thấy L khó khăn không trả được, không có mục đích chiếm đoạt nên đã có đơn xin rút đơn đã tố cáo L.

Anh Đặng Văn D khai: Anh D1 có quen biết với Vũ Quang T2 và được T2 nhờ tìm chỗ thế chấp xe ô tô của Công ty gia đình để vay tiền. Anh Dũng có nhờ Nguyễn Mạnh H1 hỏi hộ và được H1 giới thiệu đến gặp anh T1. Sau đó, anh D1 và H1 dẫn T2 và L đến gặp anh T1 để vay tiền.

Chị Vũ Mai H – Giám đốc Công ty CP T5 xác nhận: Công ty T5 là Công ty gia đình, do 03 chị em ruột chị H góp vốn hoạt động, gồm: Chị H, vợ chồng anh Vũ Thành C1 và em trai út là anh Vũ Quang T2. Quá trình hoạt động của Công ty, chị H là người điều hành chung, còn anh C1 và anh T2 tham gia điều hành trực tiếp các hoạt động kinh doanh cho thuê ô tô tự lái tại Công ty. Năm 2009, việc cho anh L nhận xe do anh Vũ Thanh T3 là nhân viên Công ty thực hiện, sau đó Công ty có đi tìm, nhờ Công an thu xe, đã thu hồi được 02 xe, không thiệt hại gì. Đến nay không yêu cầu, đề nghị gì.

Anh Nguyễn Thanh T4, sinh năm: 1975, nhân viên Công ty T5, khai: Việc giao xe cho Đỗ Văn L là do có sự chỉ đạo, bảo lãnh của chị H, anh T2 (Lãnh đạo Công ty T5) nên khi giao xe ô tô BKS 16M- 5374 không có Hợp đồng, sau này anh T4 mới làm bổ sung cho đủ thủ tục nên Hợp đồng không có chữ ký của anh L. Còn khi giao xe ô tô BKS 16M- 5384, thì chỉ cho anh L ký tên cho đủ thủ tục, không ghi rõ nội dung, thời gian thuê, giá thuê xe.

Vũ Quang T2 đã chết tháng 2/2012 (Giấy chứng tử do UBND phường N, L cấp ngày 25/4/2012).

Phản trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, gia đình Đỗ Văn L đã bồi thường Nguyễn Văn T1 đủ 150.000.000 đồng, anh T1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo L.

Tại bản Cáo trạng số 182/CT-VKS-P3 ngày 18/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Đỗ Văn L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đại diện Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm có cơ hội trở về với xã hội.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

Căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Đỗ Văn L từ 36 đến 42 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của họ, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về tội danh:*

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Công ty T5 trụ sở tại số B, đường T, phường Q, quận K, Hải Phòng, Giám đốc là Vũ Mai H, có hoạt động cho thuê xe tự lái. Vũ Quang T2 (là em trai chị H) có tham gia điều hành hoạt động của Công ty. Khoảng tháng 7/2009, do cần tiền sử dụng, Vũ Quang T2 và Đỗ Văn L đã nảy ý định chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Văn T1 bằng cách, Vũ Quang T2 đã ký giả chữ ký của chị Vũ Mai H, Giám đốc để làm giả giấy ủy quyền của Công ty T5, ủy quyền cho Đỗ Văn L được thế chấp xe ô tô BKS: 16M-5384 lấy tiền. Đỗ Văn L biết T2 ký giả chữ ký chị H nhưng vẫn mang xe ô tô và Giấy ủy quyền giả đến gặp anh T1 vay tiền, tin là thật nên anh T1 đã nhận xe và đưa cho L 150.000.000 đồng. Sau đó L không trả lại tiền, phát hiện giấy ủy quyền giả nên anh T1 đã làm đơn tố cáo Đỗ Văn L gửi Cơ quan Công an. Hành vi của bị cáo Đỗ Văn L đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 139 BLHS năm 1999 nay là Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] *Về tình tiết định khung:*

Bị cáo Đỗ Văn L có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 150.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T1, do vậy hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được nhà nước bảo vệ, ảnh hưởng xấu

đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần xét xử nghiêm mới đủ để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự :*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo ra đầu thú, tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T1 đủ 150.000.000 đồng, anh T1 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị cáo có bố, mẹ đều tham gia kháng chiến được nhà nước tặng thưởng Huân Huy chương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về hình phạt:*

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, và số tiền bị cáo chiếm đoạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo với mức án trên khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Gia đình của bị cáo đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T1 toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] *Về các vấn đề khác:*

- Đối với Vũ Quang T2, sinh năm 1984, ĐKTT: Số F - P, Lê C3, Hải Phòng, theo lời khai của bị can Đỗ Văn L, là người ký giả chữ ký của Vũ Mai H trên Giấy ủy quyền giả, là người nhờ L đến Công ty T5 lấy xe ô tô mang đi vay tiền, tuy nhiên do T2 đã chết ngày 24/02/2012 nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

- Về việc Đỗ Văn L đến Công ty T6 xe INOVA BKS: 16M-5384, 16M-5374: Theo lời khai của L, cả 2 xe đều do Vũ Quang T2 bảo L đến nhận xe, mang đi đặt làm tin vay tiền giúp T2, khi nhận được tiền đều đưa cho T2. Theo lời khai của chị Vũ Mai H – Giám đốc Công ty T5 thì T2 có cổ phần tại Công ty T5, tham gia điều hành Công ty. Theo lời khai của anh T4, khi giao xe cho L đều có anh T2, chị H bảo lãnh. Do Vũ Quang T2 đã chết năm 2012, hiện nay Công ty T5 đã thu hồi được 02 xe, không yêu cầu, đề nghị gì nên không đủ căn cứ xem xét xử lý là có cơ sở.

- Về việc Đỗ Văn L vay tiền của Nguyễn Văn C: Theo lời khai của L, là vay hộ T2, sau khi nhận tiền đều đưa cho T2, khi C đòi thì L yêu cầu T2 trả. Năm 2009 đã trả cho C được 30.000.000 đồng; năm 2012, trả 30.000.000 đồng, khi biết T2 chết đã liên lạc với C cam kết trả nợ, quá trình điều tra tác động gia đình trả chung 50.000.000 đồng, anh C rút đơn yêu cầu, không chứng minh được ý thức chiếm đoạt của L nên không đủ căn cứ xử lý.

- Về việc Đỗ Văn L sử dụng giấy ủy quyền giả để chiếm đoạt tiền của anh T1, có dấu hiệu của tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999 nay là khoản 1 Điều 341 BLHS năm 2015. Tuy nhiên đến nay đã hết thời hiệu nên không xử lý là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Đỗ Văn L 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 3 năm 2023.

*Về án phí:* Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**Lưu Văn Tĩnh**